



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **2569** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày **09** tháng **9** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 20/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố;

Xét Tờ trình số 1946/TTr-BVĐK ngày 26/8/2024 của Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch và Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá - Dịch vụ Nghĩa Hưng số: 231/2024/CT-HTP08 ngày 07/7/2024;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định số 2334/BCKQTĐ-SYT ngày 29/8/2024 về việc Báo cáo thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

(Signature)

Điều 2. Bệnh viện Đa khoa huyện Bồ Trạch chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch được phê duyệt, đúng quy định. Giao Sở Y tế kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu tại đơn vị đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan và Bệnh viện Đa khoa huyện Bồ Trạch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *HT*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX. *HT*


**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Hoàng Xuân Tân

Phụ lục 1

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch (Kèm theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ST T	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch	Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch	Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch	1.670.030.000 đồng	Nguồn thu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện năm 2024 và 2025	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Quý III năm 2024	Hợp đồng trọn gói	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30%	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu:				1.670.030.000 đồng									

(Bảng chữ: Một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, không trăm ba mươi ngàn)./. 

**PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HÓA THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM
SINH PHẨM, VI SINH, HÓA CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH
NĂM 2024 - 2025 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BỐ TRẠCH**

(Kèm theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 01/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Stt	Tên thiết bị y tế	Tên thương mại	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch dự kiến đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
Gói thầu: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024 - 2025 của Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch									
I. SINH PHẨM									
1	Test nhanh phát hiện các chất gây nghiện (MET/ THC/ MDMA/ MOP)	Quick Test DOA Multi 4 Drug (MOP-MDMA-MET-THC)	Hộp 15 test	Test	4.000	50.000	200.000.000	1.200	60.000.000
2	Thuốc thử chẩn đoán kháng thể kháng liên cầu	Anti Streptolysin O Visilatex Reagent	100 test	Hộp	1	850.000	850.000		-
3	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg	HBsAg One Step Hepatitis B Surface Antigen Test Device (Serum/Plasma)	Hộp 40 test	Test	500	11.500	5.750.000	150	1.725.000
4	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	HCV Hepatitis C Virus Rapid Test Device (Serum/Plasma)	Hộp 40 test	Test	250	19.000	4.750.000	75	1.425.000
5	Khay thử xét nghiệm định tính phân biệt kháng thể kháng virut HIV-1 và HIV-2	HIV 1/2 Human Immunodeficiency Virus Rapid Test Device (Whole Blood/Serum/Plasma)	Hộp 40 test	Test	500	26.000	13.000.000	150	3.900.000
6	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Urodip 11P	Hộp / lọ 100 test	Hộp	240	872.000	209.280.000	72	62.784.000
7	Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Que thử phân tích nước tiểu (10 parameters)	Lọ 100 que	Hộp	10	170.000	1.700.000	3	510.000
II. VI SINH									
8	Khoanh kháng sinh Amoxicilin 10µg (Ax)	Amoxicilin 10µg (Ax)	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	82.000	82.000		-
9	Khoanh kháng sinh Azithromycin 15µg (Az)	Azithromycin 15µg (Az)	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	71.500	71.500		-
10	Canh thang BHI	BHI Broth - 5ml	Hộp 10tube x5ml	Tuýp	20	58.500	1.170.000	6	351.000
11	Khoanh kháng sinh Cephalixin 30µg (Cp)	Cephalixin 30 µg (Cp)	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	82.000	82.000		-
12	Khoanh kháng sinh Cloramphenicol 30µg (Cl)	Cloramphenicol 30µg (Cl)	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	70.000	70.000		-
13	Khoanh kháng sinh Clarithromycin 15µg (Ch)	Clarithromycin 15µg (Ch)	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	71.500	71.500		-
14	Khoanh kháng sinh Amoxicillin / Clavulanic acid 20/10µg (Ac)	Amoxicillin / Clavulanic acid 20/10µg (Ac)	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	82.000	82.000		-
15	Đỏ metyl (methylred)	Methyl red (MR)	Lọ 2 ml	Lọ	10	20.500	205.000	3	61.500
16	Khoanh kháng sinh Gentamicin 10µg (Ge)	Gentamicin 10µg (Ge)	Lọ 50 đĩa	Lọ	1	82.000	82.000		-

Stt	Tên thiết bị y tế	Tên thương mại	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch dự kiến đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
17	Dung dịch Giem sa	Giemsa 500ml	Chai 500ml	Chai	1	1.300.000	1.300.000		-
18	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, để mọc.	Kliggler Iron Agar (KIA)	Túi 10 tube	Tuýp	10	14.000	140.000	3	42.000
19	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, để mọc.	Mac Conkey Agar (MC 90mm)	Hộp /10 cái	Cái	10	19.500	195.000	3	58.500
20	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella.	Samonella Shigella Agar (SS 90mm)	Hộp /10 cái	Cái	10	19.500	195.000	3	58.500
21	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc.	Thạch nâu (CAXV 90mm)	Hộp /10 cái	Cái	10	39.000	390.000	3	117.000
22	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm	Sabouraud Dextrose Agar (SAB 90mm)	Hộp /10 cái	Cái	10	19.500	195.000	3	58.500
23	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn để mọc	Nutrient Agar (NA 90mm)	Hộp /10 cái	Cái	10	19.500	195.000	3	58.500
24	Môi trường nuôi cấy phân biệt	Thạch máu (BA 90mm)	Hộp /10 cái	Cái	10	27.000	270.000	3	81.000
25	Môi trường nuôi cấy và bảo quản	Nutrient Agar nghiêng (NA nghiêng)	Hộp 10 lọ	Lọ	10	37.500	375.000	3	112.500
26	Môi trường phát hiện khả năng biến dưỡng	Simon Citrate Agar	Hộp 10 lọ	Lọ	10	9.100	91.000	3	27.300
27	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh urease, sinh indol và di động.	Motility Indol Urease (MIU)	Hộp 10 lọ	Lọ	10	9.100	91.000	3	27.300
28	Môi trường thực hiện kháng sinh đồ	Mueller Hinton Agar (MHA 90mm)	Hộp /10 cái	Cái	10	19.500	195.000	3	58.500
29	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer.	Methyl red - Voges Proskauer (MR-VP)	Hộp 10 lọ	Lọ	10	9.000	90.000	3	27.000
30	Dung dịch nhuộm xanh methylen	Methylen blue 500mL	Chai 500ml	Chai	1	620.000	620.000		-
31	Carbon Fuchsin 500mL	Carbon Fuchsin 500mL	Chai 500ml	Chai	2	620.000	1.240.000		-
III. HUYẾT HỌC									

th

Stt	Tên thiết bị y tế	Tên thương mại	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch dự kiến đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
32	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	Lysoglobin Diff lyse 3	1 Lit	Chai	67	3.515.000	235.505.000	20	70.300.000
33	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Lysoglobin Diff lyse 5	500ml	Chai	37	3.500.000	129.500.000	11	38.500.000
34	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	Lysoglobin HGB	500ml	Chai	37	3.450.000	127.650.000	11	37.950.000
35	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	HemoDiL SHX	20L	Thùng	69	3.350.000	231.150.000	20	67.000.000
36	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Pro-Clean	50ml	Lọ	16	1.750.000	28.000.000	4	7.000.000
IV. HÓA CHẤT ĐIỆN GIẢI									
37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	ISE Fluid pack (Na, K, Cl, Ca, pH)	Cal A: 650ml + Cal B: 200ml	Hộp	5	8.500.000	42.500.000	1	8.500.000
38	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	Probe cleaning solution	10x5ml	Hộp	1	2.153.000	2.153.000		-
V. HÓA CHẤT MIỄN DỊCH									
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine	T3 CLIA Microparticles	100 Test	Hộp	8	3.500.000	28.000.000	2	7.000.000
40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine	T4 CLIA Microparticles	100 Test	Hộp	8	3.500.000	28.000.000	2	7.000.000
41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH (thyroid stimulating hormone)	TSH CLIA Microparticles	100 Test	Hộp	2	3.500.000	7.000.000		-
42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do	ft3 CLIA Microparticles	100 Test	Hộp	8	3.500.000	28.000.000	2	7.000.000
43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine tự do	ft4 CLIA Microparticles	100 Test	Hộp	8	3.500.000	28.000.000	2	7.000.000

Stt	Tên thiết bị y tế	Tên thương mại	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch dự kiến đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
44	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -Human Chorionic Gonadotropin tự do	β -HCG CLIA Microparticles	100 Test	Hộp	2	4.275.000	8.550.000		-
45	Hóa chất phát quang hóa học trong xét nghiệm miễn dịch	Chemiluminescent Substrate	110ml x2sets	Hộp	2	7.299.000	14.598.000		-
46	Nước rửa hệ thống xét nghiệm miễn dịch	Wash Buffer	4x500ml	Hộp	2	4.900.000	9.800.000		-
47	Dung dịch pha loãng mẫu cho máy miễn dịch	Diluent Universal	4x250ml	Hộp	2	4.900.000	9.800.000		-
48	Công phản ứng dùng cho máy miễn dịch	Reaction vessel	1000 pcs	Hộp	5	2.562.000	12.810.000	1	2.562.000
49	Dung dịch rửa cho máy miễn dịch	System wash	12x25ml	Hộp	2	8.430.000	16.860.000		-
VI. HÓA CHẤT RĂNG									
50	Acid dùng trong trám răng	Actino Gel	Tube 5ml	Lọ	10	104.000	1.040.000	3	312.000
51	Vật liệu trám bít ống tủy	AH 26 PORT. SILVERFREE EXPORT	Hộp gồm: 8g bột, 10g nước	Hộp	5	950.000	4.750.000	1	950.000
52	Vật liệu trám tạm	Xi măng hàn răng Ceivitron	Lọ 30g	Lọ	15	110.000	1.650.000	4	440.000
53	Vật liệu trám răng Composite đặc	Vật liệu trám răng Mani Micro A2;A3; A3,5	Túi 1 cái 4g	Ống	300	480.000	144.000.000	90	43.200.000
54	Vật liệu trám răng Composite lỏng	Vật liệu trám răng Mani Flo-V A2;A3; A3,5	Túi 1 cái 2g	Ống	50	370.000	18.500.000	15	5.550.000
55	Gel làm mòn men răng trước khi trám răng	Prime Dent Etchant Gel	Ống 5g, gói 5 ống	Ống	15	80.000	1.200.000	4	320.000
56	Vật liệu trám răng có thành phần Eugenol dùng phối trộn với oxit kẽm tạo thành xi măng tạm thời	Eugenol 30ml	Lọ/30ml	Lọ	1	104.000	104.000		-
57	Xi măng Glass Ionomer trám răng có cân quang	GC Gold label Universal Restorative	Hộp 10g + 5,6ml	Hộp	8	624.000	4.992.000	2	1.248.000
58	Xi măng Glass Ionomer trám răng có cân quang, tăng cường phóng thích Fluoride	GC Gold Label HS Posterior EXTRA	Hộp/15g + 6,4ml	Hộp	15	1.500.000	22.500.000	4	6.000.000
59	Vật liệu trám răng có thành phần hydroxide canxi cân quang và nhựa tương hợp sinh học	Vật liệu trám răng - Ultra Blend Plus (416_1)	Tuýp 1,2ml	Tuýp	50	525.000	26.250.000	15	7.875.000

24

Stt	Tên thiết bị y tế	Tên thương mại	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch dự kiến đã có VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
60	Keo dán nha khoa	Keo dán nha khoa (Mani Bond)	Lọ	Lọ	20	600.000	12.000.000	6	3.600.000
61	Hóa chất bơm rửa và điều trị tủy	Hyposol	Chai 500ml	Chai	10	234.000	2.340.000	3	702.000
Tổng cộng: 61 khoản							1.670.030.000		461.492.100
Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng chẵn.									

St W